TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1566/2022/DS-ST
Ngày: 06/5/2022
V/v Tranh chấp về Hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Hải Quỳnh Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Phước;

2. Bà Phạm Thị Ngọc Dưỡng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hằng Nga – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Ông Hoàng Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 300/2020/DSST ngày 14 tháng 10 năm 2020 về "Tranh chấp về Hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1195/2022/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2080/2022/QĐST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: QTDDĐSG

Địa chỉ: Kios số 10-11 TTCC R7, KTDDC 38.4ha, KP3, đường D1, phường BK, Q 2 (nay là khu phố B, đường ATCC, phường AK, thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông TNT – Địa chỉ: Ấp PT A, xã PL, huyện PT, tỉnh AG – Địa chỉ liên hệ: số 18/17 đường số CB, phường AK, thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh - là Người đại diện theo ủy quyền (Theo Giấy ủy quyền số 52/GUQ-ĐSG lập ngày 09/11/2021) *(có đơn xin mặt)*.

2. Bị đơn:

Bà NTMT– Sinh năm: 1969 *(vắng mặt)*

Bà NTML– Sinh năm: 1990 *(vắng mặt)*

Cùng Địa chỉ thường trú: 208 ấp CB 3, phường TT, Quận H (nay là thành phố TĐ), Thành phố Hồ Chí Minh

Cùng Địa chỉ liên lạc: 508 chung cư AP, phường AP, Quận H (nay là thành phố TĐ), Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, QTDDĐSG do ông TNT là Người đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 15/7/2019, bà NTMT và bà NTML ký kết Hợp đồng tín dụng số 319-2019/HĐTD-SG với QTDDĐSG để vay số tiền 21.000.000đồng; lãi suất cho vay do hai bên thỏa thuận tại hợp đồng là 2,1%/tháng tính trên dư nợ vay thực tế, tương đương 25,2%/năm tính trên dư nợ vay thực tế (Tương đương 1,2%/tháng tính trên số tiền vay ban đầu), lãi suất tính từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân cho đến hết ngày trả xong nợ; thời hạn vay là 24 tháng từ ngày 15/7/2019 đến ngày 15/7/2021; hình thức vay là không có tài sản đảm bảo; phương thức thanh toán là bà MT và bà ML phải thanh toán số tiền gốc 06 tháng một lần, trả lãi cho QTDDĐSG vào ngày 30 hàng tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng vay, bà MT và bà ML không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ như khoản 11 Điều 1 của Hợp đồng tín dụng. Ngày 21/9/2020, QTDDĐSG nộp Đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân buộc bà MT và bà ML trả lại cho QTDDĐSG số tiền nợ gốc là 15.196.000đồng, tạm tính đến ngày 26/8/2020 lãi trong hạn là 285.000đồng, lãi quá hạn là 84.000đồng; tiền lãi tiếp tục được tính theo hợp đồng các bên đã cam kết cho đến khi bà MT và bà ML thực hiện nghĩa vụ tương ứng với thời gian và số tiền chưa thanh toán.

Q*uá trình giải quyết vụ án,* Tòa án đã tiến hành triệu tập bà MT và bà ML đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng bà MT, bà ML không đến. Nguyên đơn trình bày tính đến ngày 06/5/2022, bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 15.196.000đồng, tiền lãi trong hạn là 325.000đồng, tiền lãi quá hạn là 9.663.000đồng, tổng cộng là 25.184.000đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Nguyên đơn có đề nghị vắng mặt tại phiên tòa; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn không đến Tòa án. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật; xác định thời hiệu khởi kiện, quan hệ tranh chấp, thẩm quyền, tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, tống đạt và thông báo văn bản tố tụng đúng quy định pháp luật; tuy nhiên có vi phạm về thời gian chuẩn bị xét xử vụ án; về việc giải quyết vụ án, đề nghị

Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết:

QTDDĐSG khởi kiện yêu cầu bà NTMT và bà NTML trả lại số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng số 319-2019/HĐTD-SG ngày 15/7/2019; tại thời điểm QTDDĐSG nộp đơn khởi kiện, bà MT và bà ML có đăng ký thường trú tại Quận H (nay là thành phố TĐ). Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 đây là vụ án "Tranh chấp về Hợp đồng dân sự vay tài sản" thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự:

Bị đơn bà MT và bà ML đã được Tòa án tống đạt các văn bản của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án xét xử vắng mặt các bị đơn.

[1.3] Về xác định người tham gia tố tụng:

- Tại các buổi làm việc, Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định nguyên đơn chỉ yêu cầu bà MT và bà ML thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 319-2019/HĐTD-SG ngày 15/7/2019, ngoài bà MT và bà ML, nguyên đơn không yêu cầu cá nhân nào chịu trách nhiệm. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 về Quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự "*…Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*", do đó, Hội đồng xét xử xác định bà MT và bà ML là bị đơn trong vụ án, vụ án không có người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] QTDDĐSG khởi kiện bà MT và bà ML, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà MT và bà ML đến Tòa để tham gia tố tụng, giải quyết vụ án nhưng bà MT và bà ML vẫn không đến. Do đó, Tòa án căn cứ các tài liệu, chứng cứ do QTDDĐSG giao nộp để giải quyết vụ án

[2.2] QTDDĐSG yêu cầu bà NTMT và bà NTML phải trả số tiền nợ gốc còn thiếu của Hợp đồng tín dụng số 319-2019/HĐTD-SG là 15.196.000đồng

Hợp đồng tín dụng số 319-2019/HĐTD-SG thỏa thuận QTDDĐSG cho bà MT và bà ML vay số tiền 21.000.000đồng, bà MT, bà ML xác nhận có vay, nợ QTDDĐSG số tiền nêu trên tại Khế ước nhận nợ số 319-2019/KUNN-ĐSG ngày

15/7/2019 với mục đích vay là phục vụ nhu cầu đời sống. Tại Bảng tổng hợp số tiền khách hàng còn phải thanh toán đối với bà MT và bà ML, QTDDĐSG xác định số tiền nợ gốc đã trả là 5.804.000đồng, còn thiếu là 15.196.000đồng. Căn cứ Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015, yêu cầu khởi kiện của QTDDĐSG là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] QTDDĐSG yêu cầu bà NTMT và bà NTML phải trả tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn của Hợp đồng tín dụng số 319-2019/HĐTD-SG ngày 15/7/2019 tính đến ngày 06/5/2022 là 9.988.000đồng

Theo Hợp đồng tín dụng 319-2019/HĐTD-SG ngày 15/7/2019, các bên thỏa thuận mức lãi suất vay là 25,2%/năm tính trên dư nợ vay thực tế (tương đương 1,1%/tháng tính trên số tiền vay đầu); mức lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn. Căn cứ khoản 6 Điều 4, khoản 2 Điều 91 của Luật Các Tổ chức tín dụng, Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Hội đồng xét xử chấp nhận mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng số 319, do đó tính đến ngày 06/5/2022, số tiền lãi trong hạn bà MT và bà ML phải trả là 325.000đồng, số tiền lãi quá hạn bà MT và bà ML phải trả là 9.663.000đồng.

Từ [2.2] và [2.3], tổng số tiền bà MT và bà ML có trách nhiệm liên đới trả cho QTDDĐSG tính đến ngày 06/5/2022 tổng cộng là 25.184.000đồng.

[3] Về án phí Dân sự sơ thẩm: theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, bà MT và bà ML có trách nhiệm liên đới nộp là 25.184.000đồng x 5% = 1.259.200đồng

QTDDĐSG không phải nộp án phí nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức được Hội đồng xét xử xem xét như nhận định trên

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 227, Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ khoản 6 Điều 4, khoản 2 Điều 91 của Luật Các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn QTDDĐSG là buộc bà NTMT và bà NTML có trách nhiệm liên đới trả cho QTDDĐSG số tiền nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng số 319-2019/HĐTD-SG ngày 15/7/2019 là 15.196.000đ (Mười lăm triệu một trăm chín mươi sáu ngàn đồng); tính đến ngày 06/5/2022, tiền lãi trong hạn là 325.000đ (Ba trăm hai mươi lăm ngàn đồng), tiền lãi quá hạn là 9.663.000đ (Chín triệu sáu trăm sáu mươi ba ngàn đồng); tổng cộng tính đến ngày 06/5/2022 là 25.184.000đ (Hai mươi lăm triệu một trăm tám mươi bốn ngàn đồng).

Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 319-2019/HĐTD-SG ngày 15/7/2019 nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà NTMT và bà NTML có trách nhiệm liên đới nộp án phí là 1.259.200đ (Một triệu hai trăm năm mươi chín ngàn hai trăm đồng)

- QTDDĐSG không phải nộp án phí; trả lại cho QTDDĐSG số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 389.125đ (Ba trăm tám mươi chín ngàn một trăm hai mươi lăm đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0028051 ngày 25/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được Tòa án tống đạt hợp lệ Bản án.

Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP.Thủ Đức;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lưu Hải Quỳnh Anh